

## **“CÙNG THẮNG” : MỐI QUAN HỆ TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CỦA NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ NGƯỜI KINH Ở BIÊN GIỚI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC<sup>1</sup>**

**TS. Trần Hồng Thu**

**Viện Dân tộc học**

**Email: tranhongthu74@yahoo.com**

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích mối quan hệ trong hoạt động nông nghiệp giữa người dân tộc thiểu số và người Kinh ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Khi chuyển cư lên vùng biên giới, trong quan hệ với người dân tộc thiểu số, người Kinh đã lựa chọn chiến lược “cùng thắng” để phát triển kinh tế. Với quan hệ này, người Kinh đã đạt được nhiều lợi ích trong chia sẻ tài nguyên đất đai, ổn định cuộc sống và làm giàu ở nơi biên giới. Người dân tộc thiểu số cũng đạt được các lợi ích trong thay đổi tư duy kinh tế, nâng cao nhận thức về chuyển đổi sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Tuy vậy, trong mối quan hệ đó cũng còn ẩn chứa một số yếu tố khiến người dân tộc thiểu số chưa thu được lợi ích bằng người Kinh, tạo ra mâu thuẫn về đất đai, thua lỗ trong sản xuất do sự ép giá, cạnh tranh không lành mạnh... dẫn đến những tâm lý, định kiến không tốt ảnh hưởng đến quan hệ dân tộc và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc vùng biên giới. Điều này đặt ra yêu cầu cần có chính sách quản lý hiệu quả hơn mối quan hệ giữa người dân tộc thiểu số và người Kinh ở vùng biên giới.

**Từ khóa:** Quan hệ dân tộc, phát triển nông nghiệp, dân tộc thiểu số, người Kinh, biên giới Việt - Trung.

**Abstract:** The article analyses the relationship between ethnic minorities and the Kinh people in agricultural activities in the Vietnam-China border area. When migrating to the border areas, the Kinh chose a “win-win” strategy for economic development concerning ethnic minorities. In this relationship, the Kinh people have gained many benefits in sharing land resources, stabilising their lives, and becoming prosperous. Ethnic minorities have also benefited from changing economic thinking and increasing awareness about the transformation of commodity agriculture. However, in that relationship, some factors also prevent ethnic minorities from reaping as many benefits as the Kinh people. These factors create conflicts over land, and production losses due to price pressure and unfair competition, which lead to negative emotions and prejudices affecting ethnic relations and

---

<sup>1</sup> Bài viết là kết quả của Đề tài cấp Bộ “Quan hệ dân tộc với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, chính trị ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay và định hướng đến năm 2030”, do Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì, PGS.TS. Nguyễn Văn Minh làm chủ nhiệm năm 2021-2023.

*national unity in border areas. This calls for a more effective policy to manage the relationship between ethnic minorities and the Kinh people in the border areas.*

**Keywords:** *Ethnic relations, agricultural development, ethnic minorities, Kinh people, Vietnam-China border.*

*Ngày nhận bài: 29/6/2023; ngày gửi phản biện: 6/7/2023; ngày duyệt đăng: 20/8/2023.*

---

## **Mở đầu**

Tháng 5/2019, ông Nguyễn Thanh Hải, chủ doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn Hà Trang chuyên kinh doanh hoa, cây cảnh tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tìm kiếm một địa điểm mới có khí hậu mát mẻ để phát triển giống hoa, cây cảnh. Được một người quen ở Bình Liêu giới thiệu, ông Hải tìm đến thôn Cao Sơn của người Dao ở xã Hoàn Mô, huyện Bình Liêu để khảo sát. Sau khi xác định đất đai, khí hậu của thôn rất thích hợp phát triển hoa và cây cảnh, ông Hải đã dành hai tháng thỏa thuận với người Dao xin thuê đất nông nghiệp của họ để xây dựng một nhà vườn ươm giống hoa cùng cây cảnh, đồng thời hợp tác với người dân địa phương trồng cây ăn quả trên đất rừng của họ. Tháng đầu tiên, việc thuê đất của người Dao gặp nhiều khó khăn do phần lớn đồng bào sợ ông Hải tìm cách chiếm đất, một số khác thì đưa ra giá thuê quá cao, trong khi ông Hải rất khó giải thích cho người dân thấu hiểu do bất đồng ngôn ngữ vì nhiều người già ở đây không thạo tiếng Kinh. Sau nhiều lần đi lại thỏa thuận, ông Hải và người Dao nơi đây thống nhất được thời gian thuê đất là 10 năm, mức tiền thuê tương đương vụ thu hoạch được mùa cao nhất trên mảnh đất đó; con em các gia đình người Dao cho thuê đất được ông Hải ưu tiên nhận vào làm công nhân là 7 lao động thường xuyên, 5 lao động bán thời gian, với mức lương trên 6 triệu VNĐ/tháng. Lúc vườn hoa mới đi vào hoạt động, một số thanh niên ở các thôn xung quanh tìm đến gây sự, quấy phá công việc làm ăn tại vườn. Song, qua một thời gian sinh sống cùng người dân, tham gia sinh hoạt và đóng góp xây dựng cộng đồng, hỗ trợ các hộ gia đình trong thôn khi có hiếu, hỷ, gặp khó khăn..., ông Hải đã được cộng đồng người Dao chấp nhận. Hiện tại, ông Hải đang thuê 3ha, chiếm 50% diện tích đất nông nghiệp của người Dao trong thôn, hợp tác cùng người dân trồng cây ăn quả trên 1,5ha đất rừng (dân góp đất; doanh nghiệp góp giống, phân bón, trả tiền công lao động; lợi nhuận chia đôi). Một người bạn của ông Hải tại Hà Nội cũng đang đầu tư hợp tác với người dân ở đây để trồng sâm Ngọc Linh, chăn nuôi gia súc. Ông Hải và bạn đang xây dựng kế hoạch đề nghị huyện Bình Liêu giao cho 20ha đồi núi quanh thôn để phát triển sản xuất, không thuê thêm đất nông nghiệp của bà con vì sẽ ảnh hưởng đến an ninh lương thực nơi đây. Bởi người Dao nhận tiền thuê đất nhưng không mua lương thực mà chỉ tiêu vào nhu cầu khác, đồng thời cho rằng do cho thuê đất trồng hoa nên họ không sản xuất được lúa gạo và bị đói.

Trên đây là một ví dụ về mối quan hệ giữa người dân tộc thiểu số (DTTS) và người Kinh trong phát triển nông nghiệp. Người Kinh di cư lên vùng biên giới muộn hơn so với bộ phận các DTTS, họ được nhìn nhận là những người xa lạ bỗng trở thành thành viên của cộng đồng, nhưng với sự gần gũi trong không gian sống và chia sẻ các vấn đề ở địa phương, người Kinh đã trở nên thân thuộc và có mối liên hệ ràng buộc với người DTTS (Vương Ngọc Thi, 2022). Nông nghiệp là ngành nghề chính của hầu hết các DTTS sinh sống ở khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc (viết tắt là biên giới Việt - Trung). Do đó, khi người Kinh di dân lên biên giới, nhất là đối tượng lên khai hoang xây dựng kinh tế mới, để trở nên thân thuộc với người DTTS, họ đã lựa chọn chiến lược “cùng thắng” nhằm tạo dựng mối quan hệ với người DTTS. Chiến lược này là quá trình đàm phán theo hướng đôi bên cùng có lợi, trong đó người Kinh cung cấp kinh nghiệm làm ăn, vốn, thị trường tiêu thụ; người DTTS đóng góp tư liệu sản xuất chủ yếu là đất đai và sức lao động để phát triển kinh tế. Dựa trên một số tài liệu đã công bố và tư liệu phỏng vấn sâu (PVS), thảo luận nhóm (TLN)<sup>2</sup> tại ba địa phương biên giới Việt - Trung<sup>3</sup> trong các đợt điền dã năm 2022 - 2023, bài viết này phân tích các chiến lược hợp tác “cùng thắng” của người DTTS và người Kinh ở biên giới Việt - Trung, nêu lên những vấn đề đặt ra và đề xuất một số giải pháp quản lý và phát huy mối quan hệ tốt đẹp, hiệu quả giữa người DTTS và người Kinh trong phát triển nông nghiệp.

### 1. Quá trình di chuyển cư của người Kinh lên vùng biên giới Việt - Trung

Người Kinh có mặt tại khu vực biên giới Việt- Trung từ rất sớm trong lịch sử, đầu tiên chủ yếu là các quan lại triều đình phong kiến được cử đi cai quản, xây dựng các trấn thành vùng biên ải (Bùi Xuân Đỉnh và Nguyễn Phương Thảo, 2018). Ngoài các vị quan lại, một bộ phận người Kinh cũng chuyển cư lên vùng biên giới, như ở tỉnh Lào Cai có nhiều người đi phu cho thực dân Pháp để xây dựng tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai, hay đi khai hoang lập nghiệp khi cuộc sống ở dưới đồng bằng gặp nhiều khó khăn, đặc biệt vào năm 1945 với nạn đói ở đồng bằng Bắc Bộ (Ban Chấp hành Đảng bộ xã Bản Lầu, 2016). Cũng có nơi, có nhóm chuyển lên vùng biên vì các lý do liên quan đến tôn giáo, chẳng hạn như khu vực người Kinh theo Công giáo chuyển đến cư trú ở tổ dân phố Hưng Long, thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng từ đầu thế kỷ XX. Song, tỷ lệ người Kinh sinh sống ở vùng biên giới rất ít so với các tộc người thiểu số. Trước năm 1945, khu vực biên giới vẫn được xem là nằm dưới quyền kiểm soát của các tộc người thiểu số (Nguyễn Mạnh Tiến, 2014).

---

<sup>2</sup> Đề tài đã tiến hành 3 cuộc thảo luận nhóm cán bộ cấp tỉnh, 3 cuộc thảo luận nhóm cán bộ cấp huyện, 3 cuộc thảo luận nhóm cán bộ cấp xã và cá nhân tác giả trực tiếp thực hiện 20 cuộc phỏng vấn sâu người Kinh và người DTTS tại 3 địa phương khảo sát liên quan đến mối quan hệ giữa người DTTS và người Kinh.

<sup>3</sup> Ba địa phương được khảo sát trong đề tài bao gồm xã Hoàn Mô (huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh), thị trấn Tà Lùng (huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng) và xã Bản Lầu (huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai). Cụ thể xem thêm bài viết của Bùi Thị Bích Lan trong cùng số tạp chí này.

Đến những năm 1960, số lượng người Kinh tại vùng biên giới Việt - Trung đã gia tăng mạnh mẽ do chính sách di dân xây dựng khu kinh tế mới của Nhà nước, đưa người Kinh từ đồng bằng lên miền núi và biên giới để khai hoang, phát triển kinh tế (Hardy, 2005; Vương Ngọc Thi, 2022). Tại điểm nghiên cứu xã Bản Lầu (huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai), người Kinh di dân theo chính sách nhà nước thành nhiều đợt. Đợt đầu tiên vào năm 1961 với hơn 30 hộ người từ Kiến An, Hải Phòng lên lập nghiệp tại thôn Bồ Quý (thôn Na Lin hiện nay) và thôn Lùng Tao, vì thế hai thôn này được thành lập từ đó. Đợt thứ hai vào năm 1966 - 1967 với khoảng 60 hộ từ Hà Nam, Nam Định, Hưng Yên, Thái Bình, chia ra cư trú xen ghép với đồng bào DTTS tại các thôn Na Lin, Lùng Cầu (thôn thành lập năm 1966), Na Lốc, Na Mạ, theo từng nhóm gia đình từ 5 đến 10 hộ. Việc di dân của người Kinh lên biên giới có sự chậm lại vào những năm 1970 do chiến tranh phá hoại của Mỹ. Vào năm 1975, tỉnh Thái Bình đã cử một đoàn khai hoang khá đông đến Bản Lầu ở tại các thôn Na Ha, Na Mạ, Na Lốc, sinh sống cùng với các tộc người Nùng, Giáy, Dao ở tại (Ban Chấp hành Đảng bộ xã Bản Lầu, 2016; PVS Nam, 54 tuổi, dân tộc Kinh ở xã Bản Lầu). Trong chiến tranh biên giới năm 1979, nhiều người Kinh ở vùng biên hoặc trở về quê cũ hoặc lùi sâu vào nội địa. Thay vào đó, một số lượng lớn cán bộ nhà nước được cử lên công tác tại vùng biên giới và thường ở lại lập nghiệp cùng với gia đình (Vương Ngọc Thi, 2022) hoặc lực lượng thanh niên các tỉnh đồng bằng lên lập các nông trường, lâm trường dọc biên giới (Bùi Xuân Đỉnh và cộng sự, 2009). Sau khi khu vực biên giới Việt - Trung được ổn định, phần lớn người Kinh đã quay trở về nơi ở cũ, song họ sống tập trung ở địa bàn gần đó thay vì ở sát đường biên như trước.

Khi quan hệ hai nước Việt Nam, Trung Quốc được bình thường hóa trở lại năm 1991, việc mở cửa và phát triển các cửa khẩu thương mại ở biên giới đã thu hút số lượng lớn người Kinh ở khắp các địa phương trên cả nước đến cư trú, làm ăn, buôn bán tại các thành phố, thị trấn, cửa khẩu (Bùi Xuân Đỉnh và cộng sự, 2009; Tạ Thị Tâm và cộng sự, 2018). Tại xã Hoàn Mô, theo số liệu thống kê của Chi cục Thống kê Bình Liêu năm 2021, người Kinh có 100 hộ, 293 nhân khẩu. Người dân địa phương ghi nhận sự xuất hiện của người Kinh bắt đầu đến đây sinh sống vào những năm 1990 - 1991 để làm ăn kinh tế. Các hộ người Kinh di cư theo dạng tự do, chủ yếu là các cặp vợ chồng trung tuổi, xuất phát từ Hưng Yên và Hải Dương lên làm ăn từ ý định ban đầu chỉ là tạm thời, không xác định ở lâu dài do họ còn đất đai, nhà cửa ở quê hương. Con cháu của những người Kinh này thường được đi học lên các bậc học cao, sau đó quay về quê cũ hoặc xuống Hà Nội tìm việc làm tại các doanh nghiệp (TLN cán bộ xã Hoàn Mô, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh). Ngoài bộ phận người Kinh lên đây làm ăn, còn có một số người phụ nữ Kinh quá lứa, khó lấy chồng ở dưới miền xuôi, chủ yếu ở tỉnh Hà Nam lên lấy chồng ở các làng/bản của người DTTS (PVS cán bộ xã Hoàn Mô, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh).

Tại thị trấn Tả Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng, theo số liệu thống kê của UBND huyện năm 2021, người Kinh có 173 hộ, 697 nhân khẩu. Đây là số liệu thống kê người

Kinh thường trú, chưa tính những người tạm trú, bởi ở thị trấn này có ba khối cư dân người Kinh. Một là khối cư dân người Kinh theo Công giáo ở tổ dân phố Hưng Long, có nguồn gốc từ Hưng Yên, Thái Bình, Hà Nam... (có người là con cháu của Nhà Mạc), di cư lên đây rất lâu đời, khoảng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Họ ít có mối liên hệ với quê cũ, nhiều người thuộc thế hệ sau không biết quê hương gốc ở đâu. Trong chiến tranh biên giới năm 1979, những người Kinh này di chuyển vào sâu trong nội địa, chỉ một bộ phận quay trở lại nơi ở cũ vào cuối những năm 1980, một số thì di chuyển đi nơi khác sinh sống. Khối cư dân người Kinh thứ hai do gặp đời sống khó khăn ở miền xuôi, lên Tà Lùng làm ăn kinh tế vào những năm 1990. Họ đến đây từ nhiều địa phương trên cả nước, nhưng chủ yếu là các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Yên, Phú Thọ,... Bộ phận người Kinh này có nhiều biến động, phụ thuộc vào sự phát triển kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, nên hầu hết họ còn giữ mối liên hệ chặt chẽ với quê cũ, bởi vẫn còn nhà cửa, đất đai, bố mẹ, anh em, họ hàng ở đó và có xu hướng quay về quê khi cao tuổi. Khối cư dân người Kinh thứ ba là cư dân di cư để lao động, tạm trú khi có công việc, nếu việc làm ở đây không thuận lợi họ sẽ di chuyển đi nơi khác, họ thường không có nhà đất tại thị trấn mà thuê mượn nhà trọ của những người Kinh khác hoặc của người DTTS sở tại. Những người này đa số có mối quan hệ họ hàng hoặc quen biết với khối cư dân người Kinh thứ hai, thường là khi có nhiều công việc thì những người Kinh lên làm ăn tại Tà Lùng sẽ liên hệ anh em, họ hàng, người quen của mình lên để hỗ trợ. Từ khi dịch COVID-19 diễn ra, biên giới Trung Quốc - Việt Nam đóng cửa hoặc hạn chế xuất nhập khẩu hàng hóa và Trung Quốc dựng hàng rào biên giới, đã xuất hiện những luồng di chuyển cư của người Kinh trở về quê cũ, số người Kinh tại các thị trấn, cửa khẩu giảm xuống đáng kể.

## **2. Các khía cạnh quan hệ giữa người dân tộc thiểu số và người Kinh trong phát triển nông nghiệp**

### **2.1. Học hỏi lẫn nhau về các kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi**

Quá trình học hỏi lẫn nhau diễn ra mạnh mẽ vào những năm 1960 - 1970 khi bộ phận người Kinh ở các tỉnh đồng bằng di dân lên miền núi theo cuộc “Vận động đồng bào miền xuôi đi xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa miền núi”. Địa hình nơi biên giới phần lớn là các đồi núi cao và dốc, nguồn nước hạn chế nên phù hợp với loại hình canh tác khô trên đất dốc. Trong khi, hầu hết những người Kinh là cư dân đồng bằng, quen canh tác ruộng nước, vì thế khi chuyển cư lên biên giới, người Kinh đã gặp nhiều khó khăn trong việc ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế tại nơi ở mới. Bên cạnh khai hoang những khu đất tương đối bằng phẳng, thích hợp phát triển ruộng nước, người Kinh đã học hỏi các kỹ thuật trồng trọt trên nương rẫy của người DTTS để thích ứng với việc canh tác trên đất dốc như chọn đất gieo trồng, cách sử dụng nông cụ, các kỹ thuật trồng trọt, chăm sóc, thu hoạch (Bùi Xuân Đính chủ nhiệm, 2009).

Nghiên cứu tại thực địa năm 2023 cho thấy, những người Kinh di cư lên xã Bản Lầu, huyện Mường Khương cũng ghi nhận việc học hỏi về kỹ thuật làm nương của người DTTS ở đây: “Người Kinh khi di cư lên Bản Lầu không có kinh nghiệm làm nương, do đó phải học hỏi các cách thức làm nương của người DTTS. Người DTTS dạy cho người Kinh cách chọn đất để làm nương, nương nào trồng sắn tốt, nương nào trồng ngô tốt cùng các kỹ thuật canh tác trên nương” (PVS Nam, dân tộc Kinh, 55 tuổi, xã Bản Lầu). Ngược lại, người DTTS cũng học hỏi các kỹ thuật làm ruộng nước, cách thâm canh tăng vụ của người Kinh. Quá trình học hỏi những kỹ thuật trồng trọt giữa người DTTS và người Kinh được thúc đẩy từ khi thành lập các hợp tác xã (HTX) nông nghiệp trên các địa bàn biên giới. Theo đó, người Kinh và người DTTS cùng nhau làm ruộng, làm nương để nhận công điền. “Năm 1966, một lượng lớn người Kinh từ tỉnh Nam Hà<sup>4</sup> lên khai hoang tại các thôn Na Lin, Lùng Cầu, Na Lóc, Na Mạ hiện nay thuộc xã Bản Lầu. Họ mang theo lên các giống lúa nước. Những người Nùng, Giáy, Dao ở đây đã học tập các kỹ thuật làm ruộng, trồng lúa nước từ những người Kinh này. Về sau, khi các HTX nông nghiệp được thành lập, các cán bộ nông nghiệp người Kinh đến hướng dẫn thêm các kỹ thuật trồng lúa nước cho đồng bào DTTS. Đồng bào DTTS bắt đầu chuyển từ canh tác một vụ lúa sang canh tác hai vụ, năng suất cây trồng cũng tăng cao” (PVS Nam, dân tộc Kinh, 55 tuổi, xã Bản Lầu).

Hiện nay, việc học hỏi giữa người Kinh và người DTTS vẫn tiếp diễn, nhưng không phải với cây lương thực mà là cây hàng hóa. Khi một số người Hmông ở Bản Lầu du nhập giống cây chuối, cây dứa và các kỹ thuật canh tác những cây này từ Trung Quốc về trồng tại địa phương, thu được lợi nhuận cao thì người Kinh các thôn lân cận cũng đã học hỏi, tiếp thu các kỹ thuật canh tác các giống cây này từ người Hmông cận cư (Trần Hồng Thu, 2013). Trong khi, người DTTS lại học hỏi các kỹ thuật trồng, chăm sóc, sơ chế chè từ người Kinh, rồi bán các sản phẩm chè cho các tổ chức thu mua hay công ty sản xuất chè do người Kinh làm chủ trên địa bàn huyện Mường Khương.

Trong chăn nuôi, người DTTS học tập các cách thức chăm sóc vật nuôi, thay đổi từ việc chăn nuôi thả rông sang chăn nuôi chuồng trại, tăng cường sự chăm sóc để tăng năng suất vật nuôi. Ngược lại, người Kinh học tập các kinh nghiệm phòng trừ bệnh trong gia súc, gia cầm từ người DTTS và học cách dùng mỡ đeo ở cổ trâu bò để phòng trường hợp trâu, bò đi lạc (Bùi Xuân Đính chủ nhiệm, 2009; Tạ Thị Tâm chủ nhiệm, 2018).

## **2.2. Giúp đỡ, hỗ trợ nhau trong sản xuất nông nghiệp**

Các hoạt động giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất nông nghiệp giữa người DTTS và người Kinh đã xuất hiện từ khi người Kinh mới di cư lên biên giới, chủ yếu là bộ phận người Kinh cư trú xen kẽ với người DTTS trong một làng/bản hoặc có quan hệ hôn nhân với người DTTS trên địa bàn. Những người Kinh lên cư trú biệt lập, ít tiếp xúc với người DTTS thì các

<sup>4</sup> Nam Hà là tỉnh cũ được thành lập năm 1965 trên cơ sở hợp nhất hai tỉnh Hà Nam và Nam Định.

quan hệ hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất nông nghiệp hầu như không có. Chẳng hạn như cộng đồng người Kinh theo Công giáo ở tổ dân phố Hưng Long, thị trấn Tà Lùng di cư từ Hưng Yên, Hải Dương lên vào những năm đầu thế kỷ XX, do cư trú tách biệt và ít tiếp xúc với những người DTTS nên mặc dù hoạt động chính cũng là sản xuất nông nghiệp, nhưng các quan hệ giúp đỡ lẫn nhau giữa những người DTTS cận cư và nhóm cộng đồng người Kinh này hiếm khi diễn ra.

Ở biên giới huyện Mường Khương của tỉnh Lào Cai, thời gian đầu khi HTX nông nghiệp giải thể, người dân lấy lại đất canh tác đã góp vào hợp tác để tự sản xuất nhưng vẫn duy trì các tổ đổi công, giúp đỡ nhau trong nông nghiệp. Chỉ đến khi kinh tế thị trường phát triển với nhiều cây hàng hóa được trồng trên địa bàn thì người dân mới chuyển thuê mướn nhân công sản xuất nông nghiệp. Riêng xã Hoàn Mô, huyện Bình Liêu, các hoạt động hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất nông nghiệp giữa người DTTS và người Kinh vẫn được thực hiện, song chỉ diễn ra đối với những hộ gia đình người Kinh có quan hệ hôn nhân với người DTTS cùng địa phương.

### **2.3. Đầu tư, hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp**

Ở nơi biên giới, các mối quan hệ đầu tư, hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp giữa người DTTS và người Kinh được phát triển mạnh từ khi chuyển đổi sản xuất lương thực sang canh tác các cây hàng hóa với quy mô lớn. Nhìn chung, quan hệ này chủ yếu dựa vào các lợi thế để đạt được những lợi ích về kinh tế của cả hai bên. Người Kinh với tư duy nhạy bén trong kinh doanh, có tiềm lực về vốn tài chính thường là bên đầu tư; người DTTS do có lợi thế về đất đai và vốn lao động nên được tiếp nhận đầu tư và là người trực tiếp tạo ra các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa. Có thể kể tới một số mô hình đầu tư, hợp tác trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp ở vùng biên giới Việt - Trung như sau:

- *Mô hình sản xuất chè tại huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai*: Đây là mô hình đầu tư, hợp tác trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp giữa Nhà nước, doanh nghiệp (Nhà nước và tư nhân) và người dân (bao gồm cả người Kinh và đồng bào DTTS). Năm 2010, công ty TNHH MTV chè Thanh Bình với 100% vốn sở hữu nhà nước đã kết hợp với Chi cục Bảo vệ thực vật Lào Cai thực hiện Dự án “Xây dựng vùng sản xuất chè an toàn theo hướng VietGAP tại huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2011 - 2015” với quy mô 1.000ha tại 4 xã: Lùng Vai, Thanh Bình, Bản Sen và Bản Lầu. Người dân các xã trên được hỗ trợ ban đầu về giống cây chè, phân bón để chuyển đổi các diện tích sản xuất nông nghiệp hoặc cây hàng hóa nhưng đem lại thu nhập thấp sang diện tích canh tác chè. Tính đến năm 2022, diện tích trồng chè tại huyện Mường Khương đã đạt trên 4.000ha ở nhiều xã, thu hút thêm nhiều doanh nghiệp tư nhân tham gia thu mua, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chè. Hiện nay, tại Mường Khương đã xây dựng được 7 nhà máy chè, các chủ doanh nghiệp này đều là người Kinh, bao gồm người Kinh sinh sống lâu đời nơi đây và người Kinh từ địa phương khác đến

đầu tư. Ngoài việc hỗ trợ, thu mua chè búp tươi trong người dân, các doanh nghiệp còn tạo việc làm và thu hút nhiều công nhân đến làm việc tại nhà máy, phần lớn các công nhân này là người DTTS ở địa phương.

- *Mô hình sản xuất hoa tươi, cây cảnh và cây ăn quả tại thôn Cao Sơn, xã Hoàn Mô, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh:* Đây là mô hình đầu tư, hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp giữa doanh nghiệp tư nhân người Kinh ở nơi khác đến với người Dao sinh sống lâu đời trên địa bàn đã được đề cập ở mở đầu của bài viết. Người Kinh đã hợp tác với một số người dân địa phương để thành lập một HTX nông nghiệp lấy tên là Hợp tác xã hoa Bình Liêu, thuê đất của người dân để phát triển cây hoa, cây cảnh, cây ăn quả. HTX đã tạo được 7 việc làm thường xuyên và 5 việc làm bán thời gian cho các lao động người DTTS thuộc các hộ gia đình cho doanh nghiệp thuê đất. Hiện nay, HTX này đang mở rộng lĩnh vực kinh doanh sang kết hợp hoạt động du lịch, chăn nuôi, trồng thí điểm sâm Ngọc Linh với 15 việc làm mới được tạo ra cho người DTTS ở địa phương.

#### **2.4. Quan hệ làm thuê trong sản xuất nông nghiệp**

Quan hệ làm thuê giữa người DTTS và người Kinh thường xảy ra khi xuất hiện tình trạng thiếu hụt lực lượng lao động trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt ở thời kỳ kinh tế thị trường. Các hoạt động này chủ yếu diễn ra theo mùa vụ, riêng những trường hợp làm công ăn lương thì diễn ra quanh năm. Trong nhiều trường hợp, người Kinh là người thuê lao động và người DTTS là người làm thuê; tuy nhiên, cũng có một số người Kinh đi làm thuê cho người DTTS. Dưới đây là một số trường hợp cụ thể:

- Một bộ phận người Kinh có ruộng, đất nông nghiệp nhưng không có nhân lực để canh tác đã thuê người DTTS trong hầu hết các công đoạn từ làm đất, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch. Tiền công được tính theo giá thị trường tại thời điểm thuê người.

- Trường hợp doanh nghiệp tư nhân người Kinh đầu tư phát triển hoa, cây cảnh... tại xã Hoàn Mô như đã đề cập thì thuê người DTTS với hai hình thức: Thứ nhất là thuê làm việc thường xuyên, có nghĩa là làm việc hàng ngày, có ngày nghỉ theo quy định, được trả lương theo tháng; Thứ hai là thuê làm việc bán thời gian, tức là làm việc khi doanh nghiệp có nhu cầu hoặc người lao động có thời gian, với các công việc: làm đất, sản xuất giống cây trồng, chăm sóc, thu hoạch hoa, cây cảnh, chăm sóc vật nuôi,...

- Một số gia đình người DTTS tại xã Bản Lầu, huyện Mù Cang Khe trồng chuối, dứa xuất khẩu quả sang Trung Quốc trên số diện tích lớn đã thuê lao động là người các dân tộc khác, trong đó có người Kinh đến làm đất, trồng cây và thu hoạch.

#### **2.5. Quan hệ bạn hàng trong thu mua nguyên vật liệu và các sản phẩm nông nghiệp**

Trong lịch sử, như đã nói, một bộ phận người Kinh đã lên vùng biên giới từ rất sớm để trao đổi, mua bán với người DTTS. Vào thời kỳ người Kinh di cư lên vùng biên giới theo chủ

trương của Đảng và Nhà nước những năm 1960-1970 cũng có những quan hệ trao đổi, mua bán giữa những người Kinh và người DTTS khi người Kinh “tích cực trồng trọt, chăn nuôi, tạo ra nhiều sản phẩm để bảo đảm nhu cầu tiêu dùng hàng ngày và biến một phần sản phẩm đó thành hàng hóa, đưa đi bán tại các điểm trung tâm hoặc ven các đường giao thông lớn” (Bùi Xuân Đỉnh và cộng sự, 2009, tr. 60).

Kinh tế thị trường phát triển từ những năm 1990 đã thúc đẩy các mối quan hệ bạn hàng giữa người DTTS và người Kinh (Tạ Thị Tâm, 2022). Với tiềm lực về vốn và các mối quan hệ xã hội, người Kinh đứng ra làm đầu mối thu mua các sản phẩm nông nghiệp của các DTTS để bán lại trên thị trường, cho các công ty trong nước hoặc xuất khẩu sang Trung Quốc. Nhiều HTX nông nghiệp, đại lý thu mua hàng nông sản ở vùng biên giới để tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu có các thành viên là người Kinh, có thể có quan hệ anh em, họ hàng (theo kiểu doanh nghiệp gia đình) hoặc bạn bè cùng góp vốn. Cũng có khi người Kinh hợp tác với người DTTS, chủ yếu dân tộc đông dân trong vùng như trường hợp của Hợp tác xã nông - lâm Phục Hòa ở thị trấn Hòa Thuận, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. HTX này có vốn điều lệ 1,5 tỷ đồng do 6 người Nùng và 1 người Kinh cùng góp vốn, người điều hành là người Nùng. Ban đầu HTX thu mua sản của người dân địa phương để bán cho công ty chế biến tinh bột Cao Bằng. Sau đó, HTX mở rộng thu mua thêm các phụ phẩm của cây mía (ngọn mía, lá mía, những cây mía bị cọc), cỏ voi, thân ngô... để bán cho các trang trại chăn nuôi bò sữa, bò thịt ở các tỉnh Quảng Ninh, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc,... HTX cũng phối hợp với các công ty giống cây trồng, công ty phân bón để tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt cho người dân.

Bên cạnh thu mua các sản phẩm nông nghiệp của người DTTS, người Kinh còn đứng ra làm đại lý cung cấp phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho người DTTS. Ở một số địa phương, như ở xã Bản Lầu, chính quyền địa phương là người tín chấp với các công ty phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để cho người dân các DTTS được mua chịu tiền phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của các công ty này và trả tiền sau khi người dân kết thúc vụ thu hoạch. Các công ty phân bón và thuốc bảo vệ thực vật chủ yếu do người Kinh điều hành và đại diện. Ở nhiều địa phương khác, người Kinh đóng vai trò là người bỏ vốn và bán chịu phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho người DTTS, rồi nhận lại tiền (bao gồm cả phần tiền lãi) sau khi người dân thu hoạch và bán sản phẩm nông nghiệp của họ.

### **3. Một số vấn đề đặt ra và kiến nghị giải pháp**

#### **3.1. Một số vấn đề đặt ra**

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, quan hệ trong sản xuất nông nghiệp giữa người DTTS và người Kinh ở vùng biên giới cũng còn ẩn chứa một số vấn đề tác động không tốt đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh - quốc phòng và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, trong đó có thể đề cập tới một số vấn đề sau:

- *Thứ nhất*, vấn đề gia tăng mâu thuẫn trong sử dụng đất đai. Do ngày càng nhiều người Kinh lên vùng biên giới nên người DTTS phải chia sẻ nguồn tài nguyên, đặc biệt đất đai. Sự chia sẻ này diễn ra dưới nhiều hình thức như Nhà nước cho phép khai hoang theo diện di dân lên xây dựng kinh tế mới; được Nhà nước chia đất, giao khoán đất từ các nông trường, lâm trường, mua bán đấu giá đất với chính quyền địa phương; mua bán đất với người DTTS sở tại;... Do dân số tăng, tình trạng thiếu đất ở một bộ phận DTTS cùng với sự phát triển kinh tế biên mậu, sản xuất nông nghiệp hàng hóa..., dẫn đến giá trị đất đai tăng cao. Hơn nữa, việc xây dựng các khu công nghiệp, công trình thủy điện... đã gây tiêu cực đến đất đai của đồng bào DTTS, trong khi tiền đền bù giải phóng mặt bằng luôn thấp hơn giá thị trường. Tình trạng thiếu đất sản xuất đã buộc một số hộ gia đình DTTS xâm canh vào đất nông - lâm trường, đất rừng phòng hộ. Tất cả những điều đó đã dẫn đến những mâu thuẫn, tranh chấp đất đai giữa người DTTS các nông - lâm trường, giữa người DTTS với các doanh nghiệp, giữa người DTTS với các công trình thủy điện... mà người đại diện, quản lý chủ yếu là người Kinh.

- *Thứ hai*, vấn đề cụ thể như doanh nghiệp tư nhân do người Kinh làm chủ ở xã Hoàn Mô, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh khi thuê đất của người DTTS để đầu tư phát triển nông nghiệp cũng đã gặp nhiều khó khăn trong bước đầu triển khai các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, bởi tâm lý sợ người Kinh tìm cách chiếm mất đất. Chính vì vậy, doanh nghiệp này đã mất hơn hai tháng để thuyết phục người dân cho thuê đất nông nghiệp và cùng nhau canh tác dưới tán rừng của người dân địa phương. Tuy nhiên, vẫn còn có ý kiến cho rằng việc doanh nghiệp thuê đất nông nghiệp đã dẫn đến người DTTS không tự sản xuất lương thực được và lâm vào tình trạng nghèo đói.

- *Thứ ba*, vấn đề cạnh tranh không lành mạnh gây nên tổn thất về kinh tế cho người DTTS. Khi Trung Quốc dựng hàng rào biên giới và thay đổi chính sách nhập cảnh hàng nông - lâm sản, việc người dân ở biên giới sản xuất và tiêu thụ nhất là xuất khẩu sản phẩm gặp nhiều khó khăn, buộc đồng bào tìm đến thương nhân người Kinh để tiêu thụ hàng hóa. Một bộ phận người Kinh khi tham gia vào các chuỗi thu mua, chế biến các nông sản đã cạnh tranh không lành mạnh, dẫn đến ép giá, gây nên những thiệt hại kinh tế cho người DTTS, đặc biệt những nơi thuộc vùng nguyên liệu, do sản lượng sản xuất nông sản rất lớn. Ví dụ ở xã Bản Lầu huyện Mù Cang Khe, giá thu mua dứa quả của người dân vào đầu năm 2023 chỉ khoảng 2.000 - 4.000 VNĐ/kg, trong khi giá thu mua dứa tại xã Bản Phiệt huyện Bảo Thắng, giáp với Bản Lầu cùng thời điểm là 5.000 - 6.000 VNĐ/kg. Theo người dân, sự chênh lệch giá này là do các thương lái người Kinh nơi đây tìm cách ngăn cản các thương lái người Kinh ở nơi khác đến xã Bản Lầu thu mua dứa, bởi các thương lái đến từ nơi khác sẽ thu mua dứa với giá cao hơn. Nhà máy xuất nhập khẩu hoa quả tuy thu mua dứa của địa phương nhưng không thu mua trực tiếp từ người trồng mà thông qua các thương lái. Thương lái thu mua dứa của người trồng với giá 2.000 VNĐ/kg, rồi tổ chức người gọt vỏ, làm sạch và bán lại cho nhà máy

với giá 14.000 VNĐ/kg. Kết quả của sự ép giá và chênh lệch giá này đã làm cho người trồng dưa bị thua lỗ nặng nề trong bối cảnh giá phân bón tăng rất cao.

### 3.2. Đề xuất giải pháp

Để quản lý và định hướng phát triển mối quan hệ “cùng thắng” trong lĩnh vực nông nghiệp của người DTTS và người Kinh ở nơi biên giới Việt - Trung, đồng thời hạn chế những thua thiệt cho người DTTS khi thực hiện mối quan hệ này, bài viết đề xuất một số giải pháp như sau:

- *Một là*, đổi mới chính sách hỗ trợ người DTTS chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất đa dạng các sản phẩm hàng hóa, liên kết chuỗi giá trị trong nông nghiệp xanh, sạch, tuần hoàn; xây dựng các thương hiệu nông sản cho người dân trong điều kiện kinh tế nông nghiệp của người DTTS vẫn là chủ đạo.

- *Hai là*, ưu tiên hơn nữa chính sách thu hút người Kinh đầu tư phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp chế biến, xây dựng vùng nguyên liệu, tạo nhiều việc làm cho người DTTS ở biên giới để vừa phát triển kinh tế, vừa giữ chân người dân các tộc người ở lại vùng biên giới để bảo vệ vững chắc đường biên mốc giới quốc gia. Song, cần có cơ chế kiểm soát các hành vi lợi dụng người DTTS để trục lợi của một bộ phận nhỏ người Kinh trong hoạt động kinh tế.

- *Ba là*, có chính sách đất đai hợp lý cho vùng biên giới để giải quyết các mâu thuẫn liên quan đến đất đai giữa người DTTS và các nông - lâm trường, giữa người DTTS và người Kinh như bóc tách diện tích nương rẫy cũ của người DTTS ra khỏi các diện tích rừng đặc dụng; quy hoạch hợp lý các công trình thủy điện để tránh tác động lớn đến đất sản xuất của người dân. Trong các trường hợp phải thu hồi đất để phát triển hạ tầng, bảo đảm quốc phòng, cần có chế độ bồi thường và hỗ trợ sinh kế thỏa đáng cho người dân bị thu hồi đất.

### Kết luận

Mối quan hệ “cùng thắng” trong sản xuất nông nghiệp của người dân các DTTS và người Kinh ở vùng biên giới đã mang lại kết quả tích cực đến việc đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp tại các địa phương biên giới, bao gồm khai hoang, phát triển nhiều diện tích ruộng nước, áp dụng các kỹ thuật khoa học vào sản xuất, đa dạng hóa và thương mại hóa sản phẩm nông nghiệp.

Trong mối quan hệ này, người Kinh đạt được nhiều lợi ích như ổn định cuộc sống khi mới di dân lên biên giới, được chia đất đai, đầu tư có lãi... nên hiện nay đa phần người Kinh có đời sống kinh tế khá giả, ổn định. Trong khi, người dân các DTTS ngày càng nâng cao nhận thức về giá trị kinh tế của đất đai, tích cực chuyển đổi cách thức canh tác, cây trồng vật nuôi,... Hiện nay, cả người DTTS và người Kinh đều phát triển các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp, xây dựng các vùng nguyên liệu cho chế biến nông sản như: biên giới tỉnh Cao Bằng là

những vùng nguyên liệu trồng mía, sắn... cung cấp sản phẩm cho các nhà máy đường, cơ sở chế biến nông sản; biên giới tỉnh Lào Cai là vùng nguyên liệu dưa, chuối, chè... để xuất khẩu, cung cấp sản phẩm cho các nhà máy chế biến hoa quả và sản xuất chè trên địa bàn. Khi sản xuất các cây hàng hóa, người Kinh đóng vai trò giới thiệu giống (trừ chuối, dưa do người Hmông mang về từ Trung Quốc), mở rộng thị trường tiêu thụ và chế biến sản phẩm, thu mua nông sản của người DTTS khi Trung Quốc đóng biên, cấm biên. Đồng thời, thúc đẩy các hộ gia đình người DTTS thay đổi cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất đa dạng các sản phẩm (Đậu Tuấn Nam chủ nhiệm, 2017).

Tuy vậy, sự phát triển kinh tế thị trường mạnh mẽ ở vùng biên giới đã dẫn đến những cạnh tranh theo quy luật kinh tế thị trường, người DTTS rơi vào tình trạng yếu thế, thua thiệt trong việc cạnh tranh làm ăn kinh tế với người Kinh. Thêm vào đó, một bộ phận người Kinh đã lợi dụng tính cách thật thà của người DTTS để mua bán ép giá, cầm cố, cho vay nặng lãi..., ảnh hưởng đến mối quan hệ tốt đẹp giữa các DTTS và người Kinh đa số (Phan Văn Hùng chủ nhiệm, 2015).

Thời gian tới, các định hướng phát triển nông nghiệp ở hầu hết các địa phương biên giới là liên kết chuỗi giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp theo hướng xanh và sạch, khi đó người nông dân (chủ yếu DTTS) tham gia vào quá trình sản xuất, doanh nghiệp (chủ yếu người Kinh) tham gia vào quá trình thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm dưới sự hỗ trợ của chính quyền địa phương. Để đảm bảo xanh, sạch cho sản phẩm, doanh nghiệp và chính quyền địa phương cần có sự hướng dẫn kỹ thuật, giám sát khâu sản xuất chặt chẽ, đảm bảo bao tiêu sản phẩm cho người dân. Bên cạnh đó, người Kinh cũng sẽ tham gia nhiều hơn vào quá trình sản xuất dựa trên cơ sở hợp tác, chia sẻ lợi nhuận với người DTTS khi sử dụng các tài nguyên. Các thương nhân người Kinh tiếp tục nắm giữ vai trò thu mua, xuất khẩu hàng nông - lâm sản sang Trung Quốc do việc vận chuyển hàng qua các lối mòn, đường tiểu ngạch gần như chưa thể triển khai. Song, một bộ phận người DTTS đã và đang học hỏi người Kinh cũng như chủ động tham gia vào các hoạt động thu mua, xuất nhập khẩu hàng hóa khi họ tận dụng được các thế mạnh của mạng lưới xã hội tộc người, đồng thời cũng có thể liên kết với người Kinh để tham gia vào hệ thống biên mậu của người Kinh.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Bản Lầu (2016), *Lịch sử Đảng bộ xã Bản Lầu*, Tài liệu lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Bản Lầu, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.
2. Bùi Xuân Đính (Chủ nhiệm, 2009), *Vai trò của người Việt trong phát triển bền vững vùng Đông Bắc Việt Nam*, Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài cấp Bộ, Viện Dân tộc học, Hà Nội.
3. Bùi Xuân Đính, Nguyễn Phương Thảo (2018), “Vai trò của người Việt trong xây dựng ý thức quốc gia - dân tộc ở vùng biên giới nước ta”, trong Viện Dân tộc học: *Một số vấn*

đề về dân tộc, tộc người ở vùng biên giới và liên xuyên biên giới nước ta hiện nay (Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc gia năm 2017), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 73-84.

4. Hardy, A. (2005), *Red hills: Migrants and the state in the highlands of Vietnam* (Vol. 93), Nias Press.

5. Phan Văn Hùng (Chủ nhiệm, 2015), *Những vấn đề mới trong quan hệ dân tộc và định hướng hoàn thiện chính sách dân tộc ở nước ta*, Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài cấp Nhà nước mã số: KX.04.18/11-15 do Viện Dân tộc, Ủy ban Dân tộc chủ trì, thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước “Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2011-2015” mã số KX.04/11-15.

6. Đậu Tuấn Nam (Chủ nhiệm, 2017), *Nghiên cứu mối quan hệ tộc người ở vùng biên giới với Trung Quốc góp phần ổn định xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng vùng Tây Bắc*, Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài cấp Nhà nước mã số KH-CN-TB.11X/13-18 do Học viện Chính trị khu vực I chủ trì, thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước giai đoạn 2013-2018 “Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc” mã số KH-CN-TB/13-18.

7. Tạ Thị Tâm (Chủ nhiệm, 2018), *Vai trò của người Việt trong phát triển kinh tế ở vùng biên giới Việt - Trung*, Báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu cấp Cơ sở, Thư viện Viện Dân tộc học.

8. Vương Ngọc Thi (2022), *Strangers Made Intimate: Contemporary ethnic relations and everyday politics in a Sino-Vietnamese border commune*, Luận án tiến sĩ tại Trường Đại học Radboud, Hà Lan.

9. Trần Hồng Thu (2013), “Tác động của kinh tế biên mậu đến các tộc người vùng biên giới Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 14-25.

10. Nguyễn Mạnh Tiến (2014), *Những đỉnh núi du ca: Một lối tìm về cá tính H'mông*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.